TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 144/2017/QĐ-PT	*Kiên Giang, ngày 01 tháng 9 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC KHÁNG CÁO ĐỐI VỚI QUYẾT ĐỊNH ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG
Với Hội đồng phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông **Lê Lâm Sơn;**
Các Thẩm phán: Ông **Phạm Đình Thi;**
Bà **Nguyễn Thị Nhiên.**

Thư ký phiên họp: Bà **Nguyễn Thị Thu Vân** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang: Ông **Cao Phương Bình** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Tại quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm số 31/2017/QĐST-DS ngày 03/5/2017 của Tòa án nhân dân thành phố R, tỉnh Kiên Giang đã căn cứ vào điểm g khoản 1 Điều 217, điểm e khoản 1 Điều 192 và điểm c khoản 1 Điều 192 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự về việc tranh chấp "Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất" giữa:

* Nguyên đơn: Bà Đặng Ngọc H, sinh năm 1965;
Địa chỉ: Đường D, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.
* Bị đơn: Ông Trần Ngọc S;
Bà Đặng Thị T;
Cùng địa chỉ: Đường D, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.
* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
- NLQ1;
- NLQ2;
Cùng địa chỉ: Đường D, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.
- NLQ3.
Địa chỉ: Đường Đ, phường T, Quận H, Thành phố Hà Nội.
- NLQ4.
Địa chỉ: Đường D, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Tại đơn kháng cáo ngày 15/5/2017 bà Đặng Ngọc H không đồng ý quyết định đình chỉ sơ thẩm nêu trên của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá.

XÉT THẤY:

Nguyên đơn bà Đặng Ngọc H trình bày vợ chồng ông S, bà T có chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích 72m^2, với số tiền 80.000.000 đồng (giấy tay) cho vợ chồng bà H, NLQ2. Nay bà H khởi kiện yêu cầu bị đơn vợ chồng ông S, bà T tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên, trong vụ kiện này Tòa án cấp sơ thẩm xác định NLQ2 là chồng của bà H, là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, có địa chỉ số 614 Đường D, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang, địa chỉ này cùng với địa chỉ của bà H. Sau khi Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án có giấy triệu tập NLQ2 lên làm việc thì mới biết NLQ2 và bà H không còn chung sống với nhau nữa nên NLQ2 cũng không còn ở địa chỉ trên. Bà H cung cấp cho Tòa án các địa chỉ mà NLQ2 đang cư trú nhưng quá trình Tòa án tiến hành xác minh, thu thập theo địa chỉ của bà H cung cấp thì được đồng chí cảnh sát khu vực và Ban lãnh đạo khu phố xác định NLQ2 không có đăng ký thường trú, tạm trú tại các địa chỉ như Số 968/28A đường D, khu phố 2; Số 614, 614A đường D, khu phố 4 (nay là khu phố 7); Số 391/24 đường D; Số 392/24 đường D, khu phố 7. Các địa chỉ này thuộc phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang. Tuy nhiên tại bút lục 82 trong hồ sơ thể hiện rõ NLQ2 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số nhà 683/34A Đường D, khu phố 4 (nay là khu phố 7), phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang nhưng NLQ2 không thường trú tại đây từ trước đến nay, từ ngày 01/01/2016 NLQ2 không có mặt hoặc sinh sống ở địa chỉ này liên tục cho đến nay và NLQ2 sinh sống tại chỉ chỉ nào thì khu phố không rõ.

Mặc khác, năm 2014 bà H và NLQ2 có khởi kiện vụ kiện này và được Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết. Sau đó Tòa án đình chỉ theo điểm e khoản 1, khoản 2 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự và bà H được quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật. Đến năm 2016 bà H đã khởi kiện lại thì thời gian này bà H và NLQ2 không còn chung sống với nhau nên bà H không cung cấp cho Tòa án biết được địa chỉ chính xác hiện nay NLQ2 đang cư trú. Vì vậy căn cứ theo điểm e khoản 1 Điều 192 quy định "*Người khởi kiện không sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện theo yêu cầu của Thẩm phán quy định tại khoản 2 Điều 193 của Bộ luật này.* T*rường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng họ không có nơi cư trú ổn định, thường xuyên thay đổi nơi cư trú, trụ sở mà không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về cư trú làm cho người khởi kiện không biết được nhằm mục đích che giấu*

địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện thì Thẩm phán không trả lại đơn khởi kiện mà xác định người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cố tình giấu địa chỉ và tiến hành thụ lý, giải quyết theo thủ tục chung". Do đó, trường hợp này Tòa án cấp sơ thẩm phải hướng dẫn đương sự làm đơn yêu cầu Tòa án thông báo tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú đối với NLQ2 và Tòa án cấp sơ thẩm tạm đình chỉ giải quyết vụ án này, để đợi kết quả giải quyết xong việc dân sự thì Tòa án sẽ tiếp tục giải quyết vụ kiện tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà H với vợ chồng ông S, bà T mới đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của các bên đương sự và đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra, trong Quyết định đình chỉ có nhận định theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đòi bị đơn thực hiện nghĩa vụ giao đất đã chuyển nhượng cho nguyên đơn, nguyên đơn xác định không đòi giá trị, thấy rằng liên quan đến quyền sử dụng đất tranh chấp đã được giải quyết bằng quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án số 41/2013/QĐST-KDTM ngày 17/10/2013 của Tòa án nhân dân thành phố R nên Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ theo điểm c khoản 1 Điều 192 để đình chỉ là không có căn cứ. Bởi lẽ theo khoản 12 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định những tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án "Tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế để thi hành án theo quy định của pháp luật về thi hành án".

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến kết luận: Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét phiên họp thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bà Đặng Ngọc H và hủy Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 31/2017/QĐST-DS ngày 03/5/2017 của Tòa án nhân dân thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Từ những nhận định trên, trong thảo luận và nghị án, Hội đồng cấp phúc thẩm thống nhất chấp nhận ý kiến đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên họp; Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Đặng Ngọc H; Hủy Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 31/2017/QĐST-DS ngày 03/5/2017 của Tòa án nhân dân thành phố R, tỉnh Kiên Giang. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân nhân dân thành phố R, tỉnh Kiên Giang giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

Án phí dân sự phúc thẩm bà Đặng Ngọc H không phải chịu và được hoàn trả lại 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm c khoản 5 và khoản 6 Điều 314 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Hủy quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm số: 31/2017/QĐST-DS ngày 03/5/2017 của Tòa án nhân dân thành phố R, tỉnh Kiên Giang, về việc tranh chấp "*Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất"* giữa nguyên đơn bà Đặng Ngọc H với bị đơn ông Trần Ngọc S, bà Đặng Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ1, NLQ2, NLQ3.

Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố R, tỉnh Kiên Giang giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả cho bà Đặng Ngọc H số tiền 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0007370 ngày 01/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND thành phố R;
-THA dân sự thành phố R;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

(Đã ký)

Lê Lâm Sơn